

Số: 45 /2015/QĐ-UBND

Thủ Dầu Một, ngày 27 tháng 4 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ
khoa học và công nghệ cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 09/2014/TT-BKHCN ngày 27/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 18/TTr-SKHHCN ngày 08/4/2014 và Báo cáo thẩm định số 195/BC-STP ngày 30/12/2014 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 17/2012/QĐ-UBND ngày 10/5/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Bình Dương./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KHCN (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT.TU, TT.HĐND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, ĐBQH-HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, H, TH;
- TTCB, Website tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Thanh Liêm

QUY ĐỊNH

Quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Bình Dương
(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND ngày 27/4/2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước, bao gồm đề án khoa học, đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm có mục tiêu, nội dung, sản phẩm không thuộc mục tiêu, nội dung, sản phẩm của dự án khoa học và công nghệ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước về khoa học và công nghệ tài trợ. Các nhiệm vụ quy định tại khoản này sau đây gọi chung là nhiệm vụ cấp tỉnh.

2. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức khoa học và công nghệ, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Yêu cầu đối với đề tài, dự án và đề án khoa học cấp tỉnh

Yêu cầu đối với đề tài, dự án và đề án khoa học cấp tỉnh thực hiện theo Quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 3. Mã số của nhiệm vụ cấp tỉnh

Mã số của nhiệm vụ cấp tỉnh do Sở Khoa học và Công nghệ cấp và được ghi như sau: ĐTCN.XX/YY, DACN.XX/YY, ĐTXH.XX/YY, ĐAKH.XX/YY, trong đó:

1. ĐTCN là ký hiệu chung cho các đề tài thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ.
2. DACN là ký hiệu chung cho các dự án thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ.
3. ĐTXH là ký hiệu chung cho các đề tài thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn.
4. ĐAKH là ký hiệu chung cho các đề án khoa học.
5. Nhóm XX là nhóm 2 chữ số ghi số thứ tự của các nhiệm vụ cấp tỉnh được sắp xếp theo từng nhóm ĐTCN, DACN, ĐTXH, ĐAKH trong năm bắt đầu thực hiện.
6. Nhóm YY là nhóm 02 chữ số ghi hai số cuối của năm bắt đầu thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh.



7. Giữa nhóm các chữ cái ký hiệu lĩnh vực với nhóm chữ số thứ tự các nhiệm vụ là dấu chấm; giữa nhóm chữ số thứ tự nhiệm vụ với nhóm chữ số ký hiệu năm bắt đầu thực hiện là dấu gạch chéo.

Điều 4. Công bố danh mục, đăng ký, lưu giữ và thông tin về kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh

1. Thông tin về nhiệm vụ cấp tỉnh, bao gồm: Danh sách nhiệm vụ đưa ra tuyển chọn, giao trực tiếp; danh mục nhiệm vụ trúng tuyển; kết quả thực hiện nhiệm vụ, được thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ tại địa chỉ <http://www.sokhcn.binhduong.gov.vn> hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng khác theo các quy định hiện hành.

2. Việc đăng ký, lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh được thực hiện theo Quy định thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh thuộc danh mục bí mật nhà nước được đăng ký, lưu giữ theo chế độ mật.

3. Việc truyền thông về kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh được thực hiện theo các quy định của Luật Khoa học và Công nghệ và Luật Báo chí. Các cơ quan, tổ chức đề xuất đặt hàng và sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ từ nhiệm vụ cấp tỉnh, các tổ chức chủ trì nhiệm vụ cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thông tin tuyên truyền, phổ biến kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của nhiệm vụ.

Điều 5. Tài chính của nhiệm vụ cấp tỉnh

1. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh gồm kinh phí thực hiện nội dung và kinh phí quản lý nhiệm vụ cấp tỉnh.

2. Việc cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ được tiến hành thông qua Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh. Quỹ có trách nhiệm cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ đã được phê duyệt vào tài khoản tiền gửi của tổ chức chủ trì nhiệm vụ tại Kho bạc nhà nước theo tiến độ xác định trong hợp đồng do cơ quan có thẩm quyền ký với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ.

3. Kinh phí quản lý các nhiệm vụ cấp tỉnh được lấy từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ và được cân đối về Sở Khoa học và Công nghệ để chi cho các hoạt động quản lý.

4. Việc xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ cấp tỉnh được thực hiện theo quy định về quản lý tài chính khoa học và công nghệ hiện hành.

Chương II

TỔ CHỨC XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CẤP TỈNH

Điều 6. Xác định nhiệm vụ, tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì và thẩm định các nhiệm vụ cấp tỉnh

Việc xác định nhiệm vụ, tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì và thẩm định các nhiệm vụ cấp tỉnh thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 7. Ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ

1. Sở Khoa học và Công nghệ ký hợp đồng đặt hàng thực hiện nhiệm vụ với tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ.

2. Mẫu hợp đồng thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh vận dụng theo Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10/4/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Điều 8. Chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất, kiểm tra, giám sát việc thực hiện

1. Theo tiến độ thực hiện nhiệm vụ, hoặc theo yêu cầu đột xuất của cơ quan quản lý có thẩm quyền, tổ chức chủ trì nhiệm vụ cấp tỉnh xây dựng báo cáo tiến độ hoặc báo cáo theo nội dung yêu cầu gửi về Sở Khoa học và Công nghệ. Trường hợp tổ chức chủ trì không thực hiện việc báo cáo tiến độ đúng quy định 02 lần, sẽ bị dừng cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ và xử lý theo quy định.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với cơ quan đặt hàng, tổ chức sử dụng kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất về tiến độ thực hiện, nội dung, kết quả, chất lượng thực hiện nhiệm vụ trong giai đoạn và tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ cấp tỉnh theo hợp đồng đã ký.

Điều 9. Điều chỉnh hợp đồng thực hiện

1. Tổ chức chủ trì được chủ động điều chỉnh dự toán kinh phí trong tổng kinh phí được giao khoán theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh về tổ chức chủ trì, tên, mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ, tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đã được phê duyệt trên cơ sở văn bản trình của Sở Khoa học và Công nghệ, cơ quan đặt hàng và văn bản đề xuất của tổ chức chủ trì nhiệm vụ cấp tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Sở Khoa học và Công nghệ điều chỉnh thời gian thực hiện và các nội dung khác thuộc phạm vi hợp đồng đã ký trên cơ sở văn bản đề xuất của tổ chức chủ trì, trừ các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Việc điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ chỉ được thực hiện 01 lần, không quá 3 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện 12 tháng, không quá 4 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện 18 tháng, không quá 5 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện 24 tháng và không quá 6 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện trên 24 tháng. Trong trường hợp đặc biệt, việc điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trên cơ sở văn bản trình của Sở Khoa học và Công nghệ và cơ quan đặt hàng.

Điều 10. Đánh giá, nghiệm thu và công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh

1. Trình tự, thủ tục đánh giá nghiệm thu, công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh thực hiện theo Quy định về đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức đánh giá nghiệm thu,

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

công nhận kết quả và thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh.

Điều 11. Quản lý tài sản, sản phẩm của nhiệm vụ cấp tỉnh

Tài sản được mua sắm, hình thành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước được quản lý, xử lý theo quy định hiện hành.

Chương III TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 12. Trách nhiệm, quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, tổ chức có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành danh mục nhiệm vụ cấp tỉnh; tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ cấp tỉnh theo quy định;

2. Phối hợp với các sở, ngành có liên quan xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhiệm vụ cấp tỉnh;

3. Ký hợp đồng thực hiện với tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ cấp tỉnh;

4. Hàng năm lập dự toán chi tiết kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ gửi Sở Tài chính thẩm định, cân đối dự toán trình cấp có thẩm quyền theo quy định;

5. Chủ trì kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh; điều chỉnh hợp đồng thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 9 của Quy định này;

6. Tổ chức đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả và thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh;

7. Mời đại diện cơ quan đặt hàng, đại diện sở, ngành, địa phương sử dụng kết quả nghiên cứu tham dự các cuộc họp hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, giao trực tiếp, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh.

Điều 13. Trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan đặt hàng

1. Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, xét giao trực tiếp, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh.

3. Cử đại diện tham gia các cuộc họp hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ, hội đồng tuyển chọn, xét giao trực tiếp và hội đồng đánh giá, nghiệm thu các nhiệm vụ cấp tỉnh thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn quản lý theo yêu cầu của Sở Khoa học và Công nghệ.

4. Phối hợp kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ cấp tỉnh thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn quản lý.

5. Tổ chức tiếp nhận và chịu trách nhiệm triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ cấp tỉnh đã đề xuất đặt hàng. Tháng 11 hằng năm tổng hợp, báo cáo kết quả ứng dụng về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh.

Điều 14. Trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức chủ trì

1. Chịu trách nhiệm về nội dung thuyết minh và dự toán kinh phí của nhiệm vụ nhằm đáp ứng được mục tiêu, tạo ra được sản phẩm theo quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

2. Lựa chọn cá nhân thuộc tổ chức chủ trì có đủ trình độ chuyên môn và năng lực tổ chức thực hiện để làm chủ nhiệm nhiệm vụ. Trường hợp thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ thì cá nhân được lựa chọn phải đáp ứng các tiêu chí của chủ nhiệm nhiệm vụ quy định tại quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước hiện hành. Trong vòng 5 ngày sau khi thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ, phải báo cáo bằng văn bản kèm theo lý lịch khoa học của chủ nhiệm nhiệm vụ với Sở Khoa học và Công nghệ. Khi thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ phải ký phụ lục hợp đồng để xác định trách nhiệm của các bên.

3. Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ với Sở Khoa học và Công nghệ; ký hợp đồng giao việc, hợp đồng thuê khoán chuyên môn với chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của nhiệm vụ; hợp đồng giao việc, hợp đồng thuê khoán chuyên môn phải đảm bảo về nội dung, chất lượng, sản phẩm và tiến độ thực hiện các nội dung của nhiệm vụ.

4. Thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng về trách nhiệm của bên nhận đặt hàng với Sở Khoa học và Công nghệ và trách nhiệm của bên đặt hàng với chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ.

5. Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất (trang thiết bị, nhà xưởng, phương tiện), nhân lực, huy động đủ các nguồn tài chính hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước (nếu có) và các điều kiện khác để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký.

6. Sử dụng có hiệu quả kinh phí được cấp để thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký với Sở Khoa học và Công nghệ; cấp đủ và đúng tiến độ kinh phí từ các nguồn kinh phí đã cam kết trong hợp đồng cho chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của nhiệm vụ; thực hiện thủ tục thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

7. Thực hiện chế độ báo cáo với Sở Khoa học và Công nghệ và cơ quan đặt hàng nhiệm vụ theo quy định. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ. Kiến nghị các điều chỉnh khi cần để thực hiện được mục tiêu, nội dung, sản phẩm của nhiệm vụ.

8. Tổ chức đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ từ kết quả của nhiệm vụ cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện việc công bố, giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh theo quy định hiện hành.

10. Tổ chức quản lý, khai thác, chuyển giao kết quả của nhiệm vụ, được hưởng quyền lợi và chịu trách nhiệm phân phối lợi ích thu được theo quy định

của pháp luật.

11. Kết quả của các nhiệm vụ cấp tỉnh do tổ chức chủ trì thực hiện được ghi nhận, làm căn cứ để xem xét khen thưởng và được giao thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác.

Điều 15. Trách nhiệm, quyền hạn của chủ nhiệm nhiệm vụ

1. Xây dựng và hoàn thiện thuyết minh của nhiệm vụ đáp ứng mục tiêu, tạo ra được sản phẩm theo quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

2. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ và chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng, thời gian thực hiện nhiệm vụ, tính trung thực, giá trị khoa học, kết quả và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ; chịu trách nhiệm đề xuất với tổ chức chủ trì về phương án ứng dụng kết quả hoặc thương mại hoá sản phẩm từ kết quả của nhiệm vụ.

3. Được bảo đảm các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ theo cam kết trong hợp đồng với tổ chức chủ trì và đề xuất, kiến nghị điều chỉnh khi cần thiết.

4. Phối hợp với tổ chức chủ trì đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật.

5. Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký với Sở Khoa học và Công nghệ. Thực hiện báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất về tiến độ triển khai, sử dụng kinh phí và báo cáo kết quả thực hiện của nhiệm vụ với tổ chức chủ trì. Chủ trì xây dựng báo cáo tổng kết khoa học và công nghệ và các tài liệu khác theo hợp đồng đã ký với Sở Khoa học và Công nghệ.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Việc sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình thực hiện Quy định, nếu có những vướng mắc hoặc có vấn đề mới phát sinh, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn và quy định pháp luật hiện hành.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN^h
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Thanh Liêm